

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/DS-PT
Ngày 13 - 4 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hùng

Các Thẩm phán: Ông Bùi Hữu Nhân

Ông Huỳnh Châu Thạch

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phước Minh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện ĐT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 339/2020/QĐ-PT ngày 30/10/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 127/2020/QĐ-HPT ngày 17/11/2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2021/QĐ-PT ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: TDP N, thị trấn ĐT, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị Q: sinh năm 1974.

Địa chỉ: TDP 1A, thị trấn ĐT, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

- Người kháng cáo: Bà Đỗ Thị Q – Bị đơn.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D thì:

Bà có cho bà Đỗ Thị Q vay tiền nhiều lần từ khoảng thời gian từ tháng 6/2017 đến nay, hai bên đều có viết giấy và có chữ ký của bà Q từng lần cụ thể, lãi suất thỏa thuận là 20%/năm, thời gian trả là khi nào bà cần thì báo trước 10 ngày thì bà Q sẽ trả. Đến nay đã quá hạn trả nợ, bà đã đòi nhiều lần nhưng bà Q vẫn không chịu trả cho bà. Vì vậy tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Q phải trả cho bà toàn bộ số tiền gốc và lãi của những lần đã vay, cụ thể như sau:

Ngày 23/6/2017 bà cho bà Q vay số tiền 40.000.000 đồng. Tiền lãi 11 tháng 19 ngày (từ ngày 23/6/2017 đến 15/6/2019) $\times 1.67\% = 7.771.066$ đồng.

Ngày 10/7/2017 bà cho bà Q vay số tiền 10.000.000 đồng. Tiền lãi 11 tháng 04 ngày (từ ngày 10/7/2017 đến 15/6/2018) $\times 1.67\% = 1.859.266$ đồng.

Ngày 30/8/2017 bà cho bà Q vay 03 lần, tổng cộng số tiền là 10.500.000 đồng. Tiền lãi 09 tháng 14 ngày (từ ngày 30/8/2017 đến 15/6/2018) $\times 1.67\% = 1.659.980$ đồng.

Ngày 29/4/2018 bà cho bà Q số tiền là 15.000.000 đồng. Tiền lãi 01 tháng 16 ngày (từ ngày 29/4/2018 đến 15/6/2018) $\times 1.67\% = 384.100$ đồng.

Vậy tổng cộng tiền gốc bà Q còn nợ bà là 40.000.000 đồng + 10.000.000 đồng + 10.500.000 đồng + 15.000.000 đồng = 75.500.000 đồng và tiền lãi của các lần vay là 7.771.066 đồng + 1.859.266 đồng + 1.659.980 đồng + 384.100 đồng = 11.674.412 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là: 75.500.000 đồng + 11.674.412 đồng = 87.174.412 đồng.

Chứng cứ chứng minh: Giấy vay tiền ngày 23/6/2017 (Bản chính) có số tiền 40.000.000 đồng; Giấy vay tiền ngày 10/7/2017 (Bản chính) có số tiền 10.000.000 đồng; Giấy vay tiền ngày 30/8/2017 (Bản chính) có số tiền 5.500.000 đồng, 3.000.000 đồng, 2.000.000 đồng và giấy vay tiền ngày 29/4/2018 (Bản chính) có số tiền 15.000.000 đồng và ký tên người vay Đỗ Thị Q.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D vẫn yêu cầu bà Đỗ Thị Q phải trả cho bà số tiền gốc vay còn nợ và tiền lãi cụ thể:

Ngày 23/6/2017 số tiền gốc vay 40.000.000 đồng. Tiền lãi 19 tháng 28 ngày (từ ngày 23/6/2017 đến 21/02/2019) $\times 1,666\% = 13.283.573$ đồng.

Ngày 29/4/2018 số tiền gốc vay là 15.000.000 đồng. Tiền lãi 9 tháng 22 ngày (từ ngày 29/4/2018 đến 21/02/2019) $\times 1,666\% = 2.432.360$ đồng.

Tổng cộng tiền gốc vay và tiền lãi là: 55.000.000 đồng + 15.715.933 đồng = 70.715.933 đồng.

Bà xin rút yêu cầu các khoản sau:

Ngày 10/7/2017 số tiền gốc vay 10.000.000 đồng. Tiền lãi 11 tháng 04 ngày (từ ngày 10/7/2017 đến 15/6/2018) $\times 1.67\% = 1.859.266$ đồng.

Ngày 30/8/2017 03 lần vay, tổng cộng số tiền là 10.500.000 đồng. Tiền lãi 09 tháng 14 ngày (từ ngày 30/8/2017 đến 15/6/2018) $\times 1.67\% = 1.659.980$ đồng.

Bà Đỗ Thị Q đã được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thông báo hoãn phiên tòa nhưng từ chối nhận và không thể hiện ý kiến của mình về số tiền vay trên.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 02/2019/QĐST-DS ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện ĐT. Xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

Buộc Bà Đỗ Thị Q phải trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền là 70.715.933 đồng

[2] Đình chỉ yêu cầu đòi với giấy vay ngày ngày 10/7/2017 số tiền gốc vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), tiền lãi 1.859.266 đồng và giấy vay ngày 30/8/2017 của 03 lần vay, tổng cộng số tiền là 10.500.000 đồng, tiền lãi 1.659.980 đồng.

Ngoài ra, Tòa án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 11/5/2020, bị đơn bà Đỗ Thị Q có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án Dân sự sơ thẩm số: 02/2019/QĐST-DS ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện ĐT.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn bà Đỗ Thị Q vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D không chấp nhận kháng cáo và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhận định: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị Q, giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 02/2019/QĐST-DS ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện ĐT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xuất phát việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị D cho rằng bà có cho bị đơn bà Đỗ Thị Q vay tiền nhiều lần từ 6/2017 đến nay với tổng số tiền là 75.500.000 đồng, lãi suất các bên thỏa thuận là 20%/năm, thời hạn trả là khi nào bà cần thì báo trước cho bà Q 10 ngày. Đến hạn trả nợ nhưng bà Q không trả nên các bên phát sinh tranh chấp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị Q thì thấy rằng:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ là 04 giấy vay tiền (BL 04 – 07) do bà D xuất trình làm căn cứ khởi kiện thể hiện từ năm 2017 đến năm 2018 bà D có cho bà Q vay 06 lần tiền cụ thể:

Ngày 23/6/2017, cho vay 40.000.000 đồng.

Ngày 10/7/2017, cho vay 10.000.000 đồng.

Ngày 30/8/2017, cho vay 03 lần, tổng cộng số tiền là 10.500.000 đồng.

Ngày 29/4/2018, cho vay 15.000.000 đồng.

Tổng cộng là 75.500.000 đồng và các bên thỏa thuận lãi suất là 20%/năm. Các giấy vay tiền trên có chữ ký xác nhận của bà Q.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà D rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với:

Số tiền gốc và tiền lãi vay ngày 10/7/2017 là 10.000.000 đồng, tiền lãi 11 tháng 04 ngày (từ ngày 10/7/2017 đến 15/6/2018) $\times 1.67\% = 1.859.266$ đồng; ngày 30/8/2017 vay 03 lần, tổng số tiền là 10.500.000 đồng, tiền lãi 09 tháng 14 ngày (từ ngày 30/8/2017 đến 15/6/2018) $\times 1.67\% = 1.659.980$ đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay trên của bà D là có căn cứ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà D buộc bà Q thanh toán số tiền gốc của khoản vay ngày 23/6/2017 với số tiền gốc 40.000.000 đồng, tiền lãi là 13.283.573 đồng (tính từ ngày 26/6/2017 đến ngày 21/02/2019 là 19 tháng 28 ngày với mức lãi suất 1,666%); khoản vay ngày 29/4/2018 với số tiền gốc 15.000.000 đồng, tiền lãi là 2.432.360 đồng (tính từ ngày 29/4/2018 đến ngày 21/02/2019 là 09 tháng 22 ngày với mức lãi suất 1,666%). Tổng cộng là 70.715.933 đồng thì thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm, bà Q trình bày bà không phải là người trực tiếp vay số tiền trên của bà D, mà bà chỉ dẫn ông Trần Xuân T (hiện nay đang chấp hành án phạt tù ở đâu thì bà không biết) đến gặp bà D để vay tiền, nhưng bà Q lại không có chứng cứ chứng minh và bà D cũng không thừa nhận.

Đồng thời, bà Q yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết họ tên “Đỗ Thị Q” trong giấy vay tiền đề ngày 23/6/2017 có phải chữ ký và chữ viết của bà hay không?

Tại kết luận giám định số: 2179/GĐ-PC09 ngày 24/02/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lâm Đồng đã kết luận: Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Đỗ Thị Q trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết ghi họ tên Đỗ Thị Q trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký và viết ra.

Do đó, cần xác định bà Q vay các khoản tiền trên của bà D là có trên thực tế, các giấy vay tiền do chính bà Q là người ký xác nhận và yêu cầu tính lãi suất của bà Q đã được các bên tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà D để buộc bà Q có nghĩa vụ thanh toán cho bà D tổng số tiền 70.715.933 đồng (trong đó 55.000.000 đồng tiền gốc và 15.715.933 đồng tiền lãi) là có căn cứ.

Với phân tích trên, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị Q để giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định tư pháp là 4.500.000 đồng. Do kháng cáo của bà Q không được chấp nhận nên bà Q phải chịu toàn bộ chi phí này là có căn cứ (bà Q đã quyết toán xong).

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bà Đỗ Thị Q không được chấp nhận nên bà Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 - Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị Q. Xử:

1- Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 02/2019/DS-ST ngày 21/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện ĐT về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị D với bị đơn bà Đỗ Thị Q.

1.1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

Buộc Bà Đỗ Thị Q phải trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền là 70.715.933 đồng (*Bảy mươi triệu bảy trăm mười lăm ngàn chín trăm ba mươi ba đồng*).

- Lãi suất chậm thi hành án:

“Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự”.

1.2- Đình chỉ yêu cầu đòi với giấy vay ngày 10/7/2017 số tiền gốc vay 10.000.000 đồng, tiền lãi 1.859.266 đồng và giấy vay ngày 30/8/2017 của 03 lần vay, tổng cộng số tiền là 10.500.000 đồng, tiền lãi 1.659.980 đồng.

2- Về án phí sơ thẩm:

2.1- Buộc bà Đỗ Thị Q phải chịu 3.535.796 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 2.179.360 đồng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0009552 ngày 14/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐT.

3- Về án phí phúc thẩm: Buộc bà Đỗ Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0009960 ngày 17/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐT.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND H. ĐT;
- CCTHADS H. ĐT;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Mạnh Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Mạnh Hùng - Huỳnh Châu Thạch

Bùi Hữu Nhân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Mạnh Hùng - Huỳnh Châu Thạch

Bùi Hữu Nhân

Nơi nhận

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND Tp. Đà Lạt;
- CCTHADS Tp. Đà Lạt;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự (03);
- Lưu AV – HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Hữu Nhân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Mạnh Hùng - Huỳnh Châu Thạch

Bùi Hữu Nhân

